

Bản án số: 38/2021/HSST

Ngày: 28/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiên Thành

2. Bà Lê Thị Tụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Tân - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Ngọc K, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1992, tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 199, tổ 1A, khu phố 12, phường X, thành phố Y, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Tổ 3, khu phố Hương Phước, phường X, thành phố Y, tỉnh H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần P và bà Đàm Thị M; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 13 tháng 9 năm 2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” theo bản án số 386/2017/HSST; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17 tháng 02 năm 2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 103/2009/HSST, ngày 11 tháng 5 năm 2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm và tuyên y án sơ thẩm theo bản án số 140/2009/HSPT; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Danh C, sinh năm: 1990; nơi cư trú: ấp Hương Phước, xã X, thành phố Y, tỉnh H. (vắng mặt)

- Bà Đàm Thị M, sinh năm: 1959; nơi cư trú: Tổ 3C, ấp Hương Phước, xã X, thành phố Y, tỉnh H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy, khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05 tháng 10 năm 2020, Trần Ngọc K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60B1-784.32 đi đến giao lộ Nguyễn Thái Học – Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch để mua 01 gói ma túy, giá 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, K vào nhà vệ sinh công cộng tại số 02 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 để sử dụng. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ra khỏi nhà vệ sinh thì K bị tổ tuần tra Công an phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 phát hiện K có biểu hiện nghi vấn về ma túy nên đã đưa K về trụ sở Công an phường Cầu Ông Lãnh kiểm tra, làm rõ. Qua kiểm tra, K lấy ra từ trong túi quần phía trước đang mặc 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, K khai là ma túy loại Heroine nên tiến hành thu giữ vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại cơ quan điều tra, K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo bản kết luận giám định số: 1730/KLGD-H ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Trần Ngọc K và hình dấu Công an phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4120g, loại Heroine.

Bản cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Trần Ngọc K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo

phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, phạt tiền bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 gói niêm phong ghi vụ số 1730/20Q1 chứa chất ma túy bên trong có 0,4120g ma túy ở thể rắn, loại Heroine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định).

- Trả lại bà Đàm Thị M 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave RSX, biển kiểm soát 60B1-784.32, số khung: RLHJC5224CY647840, số máy: JC52E5082402.

Tại phiên tòa, bị cáo K đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình, tờ tự khai, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định,... nên có căn cứ để kết luận bị cáo K đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với khối lượng 0,4120g ma túy ở thể rắn, loại Heroine. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo K đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao. Bị cáo đủ nhận thức để biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì muốn thỏa mãn động cơ cá nhân nên bất chấp xem thường pháp luật cố tình phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền về các chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Bị cáo có nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội cố ý gây thương tích. Ngoài ra, bị cáo có một tiền án về tội hủy hoại tài sản chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật đồng thời thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[6] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo K, quá trình điều tra chưa truy tìm, xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh làm rõ có cơ sở xử lý sau.

[7] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 gói niêm phong ghi vụ số 1730/20Q1 chứa chất ma túy bên trong có 0,4120g ma túy ở thể rắn, loại Heroine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định) cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave RSX, biển kiểm soát 60B1-784.32, số khung: RLHJC5224CY647840, số máy: JC52E5082402 thu giữ của bị cáo K. Qua xác minh xe do ông Danh C, sinh năm: 1990, trú tại: Ấp Hương Phước, xã X, thành phố Y, tỉnh H đứng tên đăng ký xe. Ông C xác nhận, năm 2015 ông cho xe trên cho bà Đàm Thị M là mẹ vợ của ông, khi cho xe không làm giấy tờ sang tên nhưng trên thực tế bà M đang quản lý, sử dụng xe. Đối với xe trên ông

không có yêu cầu (bút lục 92, 93, 95). Bà M khai xe trên do con rể bà cho để gia đình sử dụng. Ngày 05 tháng 10 năm 2020, khi bà đang ngủ trưa thì con bà là bị cáo K tự lấy xe trên sử dụng thì bị bắt, bà không biết bị cáo K sử dụng làm phương tiện phạm tội và bà có mong muốn được nhận lại xe làm phương tiện đi lại (bút lục 96, 97, 98). Xét việc thu giữ xe trên không liên quan đến vụ án cần xem xét trả lại cho bà M.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy: Tuyên bố: Trần Ngọc K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Trần Ngọc K 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 10 năm 2020.

Buộc bị cáo Trần Ngọc K phải nộp phạt 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Việc bị cáo Trần Ngọc K nộp số tiền phạt nêu trên phải được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 1730/20Q1 chứa chất ma túy.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 277/20-PNK ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lại bà Đàm Thị M 01 (một) xe mô tô hiệu Honda loại Wave RSX, biển kiểm soát 60B1-784.32, số khung: RLHJC5224CY647840, số máy: JC52E5082402.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 225/20-PNK ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Ngọc K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Trần Ngọc K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Tuấn